

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1313/QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: ngày 26 tháng 10 năm 2015)
(Điều chỉnh lần thứ 01: ngày 18 tháng 6 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 369/BC-STC ngày 11/6/2025 và Công văn số 2904/STC-QLĐTNNNS ngày 17/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015, với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung thông tin nhà đầu tư thực hiện dự án quy định tại Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“*Chứng nhận: Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc.*

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900270327, do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp lần đầu ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/12/2024.

Địa chỉ trụ sở chính: khu 6, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0837.439.222.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Đức.

Sinh ngày: 16/02/1971 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc.

Căn cước công dân số: 030071002420 Ngày cấp: 16/11/2021.

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú và liên lạc: số 10, phố Nhà Thờ, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung mục tiêu dự án quy định tại mục 2 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“2. Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Khai thác đá vôi, cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	0810

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung quy mô dự án quy định tại mục 3 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“3. Quy mô dự án: Đầu tư khai thác đá vôi với công suất 215.000 m³/năm đá vôi nguyên khối”.

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Nội dung tổng mức đầu tư quy định tại mục 5 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“5. Tổng vốn đầu tư: 21.274 triệu đồng. Trong đó:

+ Từ năm 2015 đến quý IV/2024: 12.660 triệu đồng (đã hoàn thành);

+ Từ quý II/2025 – quý II/2026: 8.614 triệu đồng.

Nguồn vốn thực hiện: Vốn tự có của Doanh nghiệp”.

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm :

Nội dung thời gian thực hiện dự án quy định tại mục 6 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“6. Thời gian hoạt động dự án: đến tháng 5/2036.”

6. Nội dung điều chỉnh thứ sáu:

Nội dung tiến độ thực hiện dự án quy định tại mục 7 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: “theo tiến độ thực hiện dự án, trong đó tiến độ góp vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai”.

- Tiến độ thực hiện dự án: Quý II/2026: hoàn thành đưa mô vào hoạt động sản xuất kinh doanh”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nhà đầu tư (Công ty cổ phần xây dựng thương mại và khoáng sản Hoàng Phúc) có trách nhiệm:

- Thực hiện dự án đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm tiến độ dự án được duyệt.

- Thực hiện lập và gửi báo cáo tình hình thực hiện dự án, báo cáo giám sát đầu tư định kỳ hằng quý, 6 tháng và hằng năm về Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

2. Các Sở: Tài chính, nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, UBND huyện Văn Lãng (UBND cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính) quản lý thực hiện dự án đầu tư theo lĩnh vực và địa bàn; hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, là một bộ phận không tách rời của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng và Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần xây dựng thương mại và

khoáng sản Hoàng Phúc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc, 01 (một) bản gửi Sở Tài chính và 01 (một) bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, KTCN_(NNT)

f

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh



Số: 2128/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cùn, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
(nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Xem xét Công văn số 21/CV-HP ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cùn, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 819/TTr-SNNMT ngày 25/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi

trường của dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn) do Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc là Chủ dự án, thực hiện tại xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn” hết hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND xã Na Sầm; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm PVHCC, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

10



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ
Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
(nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn)
(Kèm theo Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 29/9/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn” (nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn).
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và khoáng sản Hoàng Phúc.
- Địa chỉ liên hệ: xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn.

2. Quy mô, công suất

- Quy mô sử dụng đất của dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư mã số 0131261845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Lạng Sơn cấp chứng nhận lần đầu ngày 27/10/2015: 10,45ha (bao gồm phần khai trường 9,0ha và khu vực phụ trợ 1,45ha).
- Công suất của dự án: Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường với công suất 215.000 m³/năm.

3. Công nghệ khai thác, sản xuất

- Công nghệ khai thác: khoan nổ mìn, xúc bốc bằng máy xúc thủy lực kết hợp với hình thức vận tải bằng ô tô.
- Công nghệ chế biến: sử dụng trạm nghiền công suất 250 tấn/h để thực hiện công tác đập, nghiền đá để đạt kích cỡ hạt đáp ứng yêu cầu của vật liệu xây dựng thông thường.

4. Phạm vi

4.1. Phạm vi khu vực dự án:

- Phía Bắc giáp núi đá và rừng sản xuất hiện trạng.
- Phía Đông giáp núi đá và rừng sản xuất hiện trạng.
- Phía Tây giáp núi đá và rừng sản xuất hiện trạng.
- Phía Nam giáp núi đá và khu dân cư gần Quốc lộ 4A.

Khu vực khai thác mỏ đá vôi Lũng Cù thuộc xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn với diện tích 9,0 ha được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có

tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

Tọa độ khép góc khu vực khai thác mỏ

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2438079	436030	9,0
2	2438356	436216	
3	2438299	436393	
4	2438106	436309	
5	2437895	436369	
6	2437898	436184	
7	2438054	436186	

4.2. Các hạng mục công trình:

* Các hạng mục công trình chính của mỏ:

- Khu vực khai trường có diện tích 9,0 ha.
- Biên giới dưới sâu: Mức sâu thấp nhất của khai trường (khi kết thúc khai thác) tại cốt + 250m.
- Các thông số biên giới khai trường:
 - + Góc dốc bờ mỏ: $58 \div 60$.
 - + Góc nghiêng sườn tầng khai thác: 75.
 - + Chiều cao tầng kết thúc: 10m.
 - + Chiều rộng mặt tầng kết thúc: 3,5m.

Hiện tại mỏ đang hoạt động khai thác. Để đảm bảo an toàn với công suất khai thác $215.000\text{m}^3/\text{năm}$ và phục vụ cho quá trình khai thác, chủ Dự án đầu tư xây dựng thêm đường công nhân lên núi +235m lên cốt +305m và bạt đỉnh tạo diện khai thác đầu tiên.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng thi công	Hiện trạng
1	Thi công đường công nhân lên núi +235m lên cốt +305m	(m^3)	228	Làm mới
2	Bạt đỉnh tạo diện khai thác đầu tiên +305m	(m^3)	2.912	Làm mới
	Tổng		3.140	

* Các hạng mục công trình phụ trợ của mỏ:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư mã số 0131261845 diện tích đất đã cấp cho dự án là 10,45ha, trong đó 9,0 ha là khu vực khai trường; 1,45 ha là công

trình phụ trợ. Hiện trạng sử dụng: có 9,0 ha đất khu vực khai thác đá vôi đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 19/01/2016 (trong đó diện tích đất khu vực khai thác đá vôi đã được cấp GCN.QSĐĐ là 39.459,6m² (3,95ha) hiện đang được khai thác) và diện tích 10.995,9m² (1,1ha) đất khu vực phụ trợ (TMD) đã được cấp GCN.QSĐĐ. Diện tích đất còn lại (gồm 5,05ha đất trong khu mỏ và 0,35ha đất khu phụ trợ) Công ty chưa thực hiện thủ tục về đất đai, đo đạc và cấp GCN.QSĐĐ, sẽ tiếp tục thực hiện trong giai đoạn khai thác mở rộng.

Hiện trạng: Trên khu đất hiện nay có công trình nhà điều hành (diện tích khoảng 200m²), 01 Trạm biến áp (diện tích 10m²) phục vụ cấp điện cho dự án; ngoài ra có 01 hồ lắng 400m³ chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nằm trên đất Quốc phòng. Công ty cam kết hoàn trả lại diện tích nằm trên đất Quốc phòng, không làm cản trở việc sử dụng đất Quốc phòng và của người dân; đồng thời thực hiện đầu tư xây mới nhà điều hành mỏ, hồ lắng và các công trình khác trong diện tích đất được thuê để thực hiện dự án; tận dụng phần mương thoát nước (mương xây) nằm trong diện tích đất được cấp; đồng thời đề xuất mua mới thiết bị hợp khối để xử lý nước thải sinh hoạt, đảm bảo phù hợp đáp ứng được cho nhu cầu xử lý chất thải.

STT	Tên công trình	ĐVT	Quy mô xây dựng	Số lượng
1	Nhà điều hành	m ²	Làm mới	65,7
2	Nhà ở + bếp	m ²	Làm mới	65,7
3	Nhà vệ sinh + nhà tắm	m ²	Làm mới	20
4	Nhà kho + xưởng cơ khí	m ²	Đã xây dựng	130
5	Nhà bảo vệ, phòng bán hàng	m ²	Làm mới	65,7
6	Nhà kho chất thải nguy hại + nhà kho chất thải rắn công nghiệp thông thường	m ²	Làm mới	16
7	Hồ lắng	m ³	Làm mới	100
8	Dây chuyền nghiền đá	Tấn/h	Có sẵn	250

* Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Rãnh thoát nước mưa chảy tràn là rãnh đất được đào và thiết kế hồ dài 400m, rộng 75cm, sâu 50cm.
- Bể tự hoại 9m³ với kích thước 3m x 2m x 1,5m (dài x rộng x sâu) được xây 3 ngăn.
- Hồ lắng khu vực khai trường: Dung tích 100 m³ (5m x 5m x 4m).
- Kho chứa CTNH diện tích 10 m² (2,5m x 4m). Kết cấu: khung thép quay tôn, cửa khóa kín và có hệ thống biển cảnh báo, dán nhãn nguy hại để lưu giữ.
- Nhà kho chất thải rắn công nghiệp thông thường 6m². Kết cấu: khung thép quay tôn, cửa khóa kín.
- Hệ thống phun sương để phun ẩm, hạn chế bụi phát sinh ra môi trường

xung quanh.

- Trồng cây keo dọc theo tuyến đường ra vào mỏ.
- Thùng đựng chất thải sinh hoạt.
- Thiết bị hợp khối xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m³/ngày.đêm.

4.3. Các hoạt động của dự án:

Trong quá trình thi công xây dựng, mỏ vẫn diễn ra hoạt động khai thác, chế biến, do vậy, các hoạt động của dự án ở từng giai đoạn, cụ thể như sau:

- Các hạng mục mở mới giai đoạn xây dựng:

+ Tạo tuyến đường công vụ lên núi +250m lên cốt +305m và bạt đỉnh tạo diện khai thác đầu tiên tại mức +305m.

+ Xây dựng mới nhà điều hành và nhà ăn ca.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Khoan, nổ mìn phá đá.

+ Bốc xúc, vận chuyển đá về bãi tập kết.

+ Hoạt động chế biến đá (đập, nghiền, sàng).

+ Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

+ Phun nước tưới đường, dập bụi.

+ Sinh hoạt của công nhân mỏ, nhân viên văn phòng.

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Gia cố bờ mỏ đá gốc và sườn tầng kết thúc khai thác.

+ Tháo dỡ các hạng mục công trình.

+ San lấp hồ lắng, rãnh thoát nước không sử dụng.

+ Đổ đất màu khu khai trường, khu phụ trợ và tiến hành san gạt.

+ San gạt, tạo mặt bằng khu vực kết thúc khai thác sau khi san lấp.

+ Trồng cây để cải tạo, phục hồi đất.

5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yếu tố nhạy cảm môi trường là có xả nước thải vào nguồn nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (sông Kỳ Cùng).

II. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN CÓ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Giai đoạn	Các tác động tiêu cực, sự cố môi trường có thể xảy ra	Các công trình giảm thiểu tác động
Giai đoạn xây dựng	Làm mới nhà điều hành, nhà bếp + nhà ăn ca	- Nước thải sinh hoạt. - Nước thải thi công. - Nước mưa chảy tràn. - Nước thải công nghiệp.

Giai đoạn	Các tác động tiêu cực, sự cố môi trường có thể xảy ra	Các công trình giảm thiểu tác động
		- Bụi, khí thải. - Chất thải rắn.
	Xây dựng thêm tuyến đường công nhân lên núi +250m lên cốt +305m	- Đất đá thải và sinh khối. - Tạo bụi và tiếng ồn. - Ảnh hưởng đến chất lượng nước mưa chảy tràn.
	Bạt định tạo diện khai thác đầu tiên tại mức +305m	- Đất đá thải và sinh khối. - Tạo bụi và tiếng ồn. - Ảnh hưởng đến chất lượng nước mưa chảy tràn.
Giai đoạn khai thác	- Ô nhiễm không khí do bụi khi gió thổi qua khu vực khai thác mỏ. - Sự cố cháy nổ do chập điện tại khu nhà ở công nhân. - Chất thải rắn thông thường: chất thải rắn sinh hoạt; đất, đá bóc trong quá trình khai thác. - CTNH phát sinh từ hoạt động sửa chữa thiết bị và hoạt động khác; - Sạt lở bờ tầng, sườn tầng.	- Phun nước tưới ẩm khu vực khai thác, đường vận tải từ khai trường về trạm nghiền. - Thường xuyên bảo dưỡng máy/thiết bị khai thác và vận tải. - Sử dụng nhiên liệu sạch, ít gây ô nhiễm môi trường. - Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa. Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý. - Thu gom, phân loại và lưu giữ các CTNH tại kho chứa. Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng. - Tuân thủ thiết kế trong quá trình khai thác, có biện pháp củng cố bờ tầng và sườn tầng, tạo góc nghiêng sườn tầng và góc dốc bờ mỏ phù hợp với thiết kế đã được phê duyệt. - Tiến hành gia cố, cải tạo lại mặt tầng, sườn tầng sau khi kết thúc khai thác.
Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường	Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia cải tạo, phục hồi môi trường.	Nhà vệ sinh chưa vội tháo dỡ, sau khi hoàn thành các hạng mục CTPHMT khai trường sẽ tháo dỡ nốt phần còn lại.
	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tham gia công tác cải tạo, phục hồi môi trường.	Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào thùng chứa và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.
	CTNH phát sinh trong quá trình CTPHMT	Thu gom, phân loại và lưu giữ CTNH tại kho chứa. Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng.
	Khí thải và bụi từ hoạt động của các xe, máy tham gia thi công (máy gạt, máy xúc, ô tô).	- Không chờ đất, đá vượt trọng tải cho phép để tránh rơi vãi. - Duy trì phun nước mặt đường trong những ngày nắng nóng khô hanh.

Giai đoạn	Các tác động tiêu cực, sự cố môi trường có thể xảy ra	Các công trình giảm thiểu tác động
		- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng xe, máy theo định kỳ. - Trang bị đầy đủ bảo hộ cần thiết cho người lao động theo danh mục nghề.
	Tiếng ồn do các máy thi công ảnh hưởng tới công nhân.	Trang bị bảo hộ cần thiết cho công nhân lao động.
	Bụi từ quá trình tháo dỡ dây chuyền sản xuất.	- Sử dụng trang thiết bị máy móc hiện đại hạn chế bụi phát sinh trong quá trình tháo dỡ dây chuyền sản xuất. - Trang bị đầy đủ bảo hộ cần thiết cho người lao động theo danh mục nghề.
	Đất bị cuốn trôi khỏi các khu vực khai trường đã san gạt.	- Đổ đất san gạt kết hợp đầm nén tạo độ chặt. - Trồng cây keo phủ xanh để giữ lớp đất phủ, ổn định kết cấu đất.
	Cây trồng chết do không được chăm sóc.	- Tổ chức đội vệ sinh có nhiệm vụ chăm sóc cây trồng và phun nước giảm bụi trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường. - Đối với cây keo, sau khi trồng, tiến hành chăm sóc cây non trong thời gian 3 năm, sau đó bàn giao lại cây trồng cho địa phương quản lý sử dụng.
	Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động.	- Thành lập đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác PCCC cho dự án. - Lắp đặt các bảng hiệu về nội quy, quy định chữa cháy đặt ở những vị trí theo quy định.

III. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH THEO CÁC GIAI ĐOẠN CỦA DỰ ÁN

1. Nước thải, bụi, khí thải

1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong quá trình khai thác mỏ, lưu lượng nước thải sinh hoạt tối đa phát sinh là 4,2 m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu: các chất hữu cơ, TSS và coliform.

- Nước mưa chảy tràn tương ứng ngày có lượng mưa lớn nhất 46,42 (l/s.ha).

- Nước vệ sinh công nghiệp (tưới đường dập bụi trên tuyến đường vận chuyển) khoảng 3 m³/ngày, chủ yếu bay hơi và tự ngấm vào môi trường đất.

- Nước thải thi công, lưu lượng nước thải tối đa phát sinh là 0,1 m³/ngày.đêm, thành phần chứa nhiều chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải sinh hoạt tối đa phát sinh là 1,28 m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu: các chất hữu cơ, TSS và coliform.

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ mặt bằng khu vực khai trường, khu văn phòng, khu chế biến, lưu lượng tương ứng với ngày có lượng mưa lớn nhất là 46,42 (l/s.ha).

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt của công nhân tại khu vực Dự án thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường (CTPHMT). Số lượng công nhân tại mỏ tương đương như giai đoạn vận hành, do đó lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ước tính là 3,36 m³/ngày.

- Nước mưa chảy tràn: do giai đoạn này cũng tương tự như giai đoạn vận hành, không có sự thay đổi về lượng nước mưa trên bề mặt địa hình; lưu lượng nước mưa được tính toán trong mùa mưa với lượng nước trong ngày mưa lớn nhất là: $Q = 0,43 \times 10,45 \times 10,33 = 46,42$ (l/s.ha)

1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Các hoạt động thi công tuyến đường công nhân lên núi và tạo diện khai thác: ước tính nồng độ bụi và khí thải phát sinh tại khu vực mỏ (tính trung bình trong 1 giờ) là: 0,04 mg/m³.

- Các hoạt động thi công xây dựng: phát sinh không đáng kể và thời gian ngắn.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải từ hoạt động nổ mìn từ quá trình khai thác: theo kết quả tính toán nồng độ bụi trung bình trong thời gian tiến hành nổ mìn có giá trị bằng 2,68 mg/m³.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xúc: Nồng độ khí thải phát sinh được dự báo như sau: SO₂ là 0,0006 mg/m³; NO_x là 0,044 mg/m³; CO là 0,06 mg/m³; Bụi là 0,029 mg/m³; VOC là 0,055 mg/m³.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nội mỏ: Nồng độ bụi khí thải phát sinh được tính toán như sau: SO₂ là 0,004mg/m³; NO_x là 0,32 mg/m³; CO là 0,64 mg/m³; Bụi là 0,19 mg/m³.

- Bụi phát sinh từ hoạt động nghiền sàng: Nồng độ bụi được dự báo là 12,3 mg/m³, phụ thuộc vào độ ẩm của nguyên liệu (đá), độ ẩm lớn thì lượng bụi phát sinh sẽ nhỏ.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động xúc bốc và vận chuyển: Tải lượng bụi và các chất ô nhiễm do hoạt động vận chuyển (sử dụng xe tải có tải trọng 12 tấn) trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường được ước tính như sau: Bụi ($0,46 \text{ mg/m}^3$); SO_2 ($0,001 \text{ mg/m}^3$); NO_2 ($0,745 \text{ mg/m}^3$); CO ($1,45 \text{ mg/m}^3$).

2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn xây dựng: khối lượng phát sinh khoảng 0,67 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là vỏ bao xi măng, cốp pha hỏng, gỗ vụn, gạch đá, vật liệu rơi vãi,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ: tải lượng rác thải sinh hoạt là 10,5 kg/ngày. Nguồn thải này chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy túi nilon, vỏ lon, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn sản xuất: do trong tài liệu thăm dò mỏ Lũng Cù không có đất đá thải mà lộ đá gốc hoàn toàn vì vậy không phát sinh đất đá thải sau quá trình nổ mìn khai thác. Đất đá thải phát sinh từ quá khai thác mỏ bao gồm đất, đá thải khối lượng tính toán là 7.368 m^3 .

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Chất thải rắn sinh hoạt: gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy túi nilon, vỏ lon, vỏ hộp,... khối lượng khoảng 15 kg/ngày, tương tự như giai đoạn vận hành dự án, tuy nhiên thời gian diễn ra CTPHMT ngắn (06 tháng).

- Chất thải rắn thông thường: Quá trình tháo dỡ phát sinh lượng chất thải rắn thông thường được tính toán khoảng 563,96kg (bao gồm: 404,34 m^3 đất đá thải sau khi củng cố bờ moong đá gốc và sườn tầng, bê tông + tường gạch khi tháo dỡ cột trụ trạm nghiền, kê trạm nghiền, các công trình phụ trợ và ở bãi thải đến khu vực cần san lấp $(100 + 59,62) \text{ m}^3$. Thành phần của loại chất thải này là vật liệu xây dựng thông thường (bê tông, gạch vụn, gạch ốp lát, sắt, tôn,...).

2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Quá trình thi công xây dựng phát sinh rất ít CTNH, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, với khối lượng khoảng 15kg.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 270 kg/năm. Thành phần gồm; Hộp mực in thải; các loại dầu mỡ; bóng đèn huỳnh quang; giẻ lau găng tay dính dầu; Ấc quy thải khác.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Trong giai đoạn CTPHMT chỉ có các hoạt động san gạt, san lấp phủ đất màu, trồng cây xanh và phá dỡ công trình; ngoài ra đối với CTNH là giẻ lau dính dầu máy, dầu thải được thay thế khi bảo dưỡng các phương tiện đều thực hiện tại xưởng bên ngoài cơ sở do đó không phát sinh các loại CTNH.

3. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong tất cả giai đoạn thực hiện dự án, gồm:

- Hoạt động khoan, nổ mìn.
- Hoạt động của máy thi công (máy khoan, máy xúc, trạm nghiền...) và các xe vận tải.

Tiếng ồn phát sinh do quá trình nổ mìn trong khoảng $70 \div 100$ dB. Khoảng cách an toàn trong công tác nổ mìn được lấy như sau: Đối với người: 300 m; Đối với thiết bị, công trình: 150 m.

4. Các tác động khác

- Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp: Bụi, khí thải, nước thải phát sinh có thể phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng quá trình quang hợp, hấp thụ dinh dưỡng của thực vật dẫn tới giảm năng suất cây trồng.

- Tác động đến cảnh quan, địa hình, địa mạo: Hoạt động khai thác làm thay đổi lớp phủ thực vật và biến đổi địa hình trong khu vực dự án, từ đó gây ra các tác động sau: mất đi lớp phủ thực vật tại khu vực khai thác dẫn đến thay đổi về chế độ nhiệt, ẩm của khu vực mỏ. Trữ lượng ẩm giảm, nhiệt độ tăng, làm gia tăng nền nhiệt trong khu vực từ đó ảnh hưởng đến điều kiện vi khí hậu tại khu vực khai thác; quá trình khai thác xuống sâu làm biến đổi địa hình dẫn đến sự thay đổi hướng dòng chảy của các dòng chảy mặt, từ đó ảnh hưởng tới các thủy vực tiếp nhận nước.

- Tác động tới đời sống kinh tế - xã hội: dự án tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế trong vùng tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho một bộ phận lao động tại địa phương, đóng góp một nguồn kinh phí đáng kể cho ngân sách địa phương thông qua các khoản thu thuế, phí. Tuy nhiên dự án cũng ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt bình thường của các hộ dân sống lân cận khu vực; các hoạt động của dự án làm tăng mật độ giao thông trong khu vực ảnh hưởng đến chất lượng và tuổi thọ hệ thống đường xá, cầu cống; mất an ninh trật tự khu vực, gia tăng tệ nạn xã hội.

- Tác động đến đường giao thông ngoài khu mỏ: Do vị trí địa lý khu vực mỏ đá vôi Lũng Cù nằm gần đường giao thông chính nên trong thời gian dự án hoạt động sẽ có một số ảnh hưởng đến tuyến đường này, cụ thể:

- + Các hoạt động của dự án làm tăng mật độ giao thông trong khu vực.
- + Ảnh hưởng đến chất lượng và tuổi thọ hệ thống đường xá, cầu cống.

- Tác động của đặc điểm khai thác mỏ lộ thiên với địa hình cao, đá phong hoá, đập vỡ đến hoạt động nổ mìn, người lao động, công trình, vật kiến trúc: Khu vực mỏ khai thác đá vôi có địa hình đặc trưng vùng núi cao, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc taluy lớn. Thành phần địa chất chủ yếu là đá vôi phân lớp, phân bố không đồng đều và có hiện tượng nứt nẻ, đập vỡ mạnh do ảnh hưởng kiến tạo địa chất lâu dài. Kết cấu đất đá tại đây thường yếu, dễ mất ổn định khi có tác động từ việc nổ mìn.

- Tác động từ hoạt động nổ mìn: Đá văng vượt bán kính an toàn: Trong điều kiện đá bị nứt nẻ và không đồng nhất, nguy cơ đá văng cao, ảnh hưởng đến an toàn thiết bị, công nhân và công trình lân cận. Hiệu quả nổ mìn không ổn định: Sóng nổ truyền không đều trong lớp đá rời rạc, làm sai lệch kết quả phá đá, gây ra đá kẹt, đá to, ảnh hưởng đến chi phí và tiến độ khai thác. Đá phong hóa tạo ra nhiều bụi mịn khi khoan - nổ, ảnh hưởng đường hô hấp nếu không kiểm soát tốt.

- Tác động đến người lao động: Gia tăng nguy cơ tai nạn lao động do sự cố sạt lở mái đá, đá rơi bất ngờ sau nổ mìn, đặc biệt trong mùa mưa, gây nguy hiểm đến tính mạng người lao động.

- Khó khăn trong công tác cứu hộ cứu nạn: Địa hình cao, dốc, địa chất yếu khiến tiếp cận hiện trường sự cố khó khăn, làm tăng rủi ro trong tình huống khẩn cấp.

- Tác động đến công trình và kiến trúc xung quanh: Ảnh hưởng do rung chấn nổ mìn: Trong điều kiện nền đá yếu, sóng rung có thể lan truyền xa hơn dự kiến, ảnh hưởng đến công trình dân sinh, hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi 300–500 m (nếu có). Có thể gây nứt tường, nền móng nếu không kiểm soát tốt khối lượng thuốc nổ và tần suất nổ.

IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi và khí thải

1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Nước thải sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công: Đề xuất mua mới nhà vệ sinh di động. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý đúng quy định

- Giai đoạn khai thác: Công ty xây dựng hệ thống nhà vệ sinh tự hoại (BASTAF). Số lượng bể tự hoại hiện có là 01 bể được bố trí tại khu vực văn phòng, hệ thống bể được đặt ngầm ở vị trí ngay bên dưới nhà vệ sinh. Nước thải sinh hoạt phát sinh do hoạt động của cán bộ, công nhân được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn có kích thước 3m x 2m x 1,5m (dài x rộng x cao), dung tích 9m³. Nước thải sinh hoạt (bao gồm cả nước từ chậu rửa, khu vực nhà bếp được thu gom bằng hệ thống ống PVC có lắp đặt các rọ thu rác và lưới chắn sàn) sau khi xử lý tại bể tự hoại sẽ được xử lý bằng module hợp khối với công suất 5m³/ngày. Nước thải sau khi được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT

(Cột A) sẽ được dẫn ra rãnh thoát nước chung của khu vực chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Kỳ Cùng.

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Tiếp tục duy trì các hệ thống thu gom và xử lý nước thải đến khi kết thúc giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Nước mưa chảy tràn

Do khai trường khai thác trên núi nên nước mưa thoát chảy theo hình thức tự nhiên, năm kết thúc khai thác tại cost +250 cao trên mức xâm thực địa phương nên nước vẫn chảy thoát tự nhiên. Nước thoát tự nhiên xuống các mương thu nước ở chân tuyến khu vực khai thác, mương thoát nước dài 400m, rộng 75cm, sâu 50cm sau đó chảy về hồ lắng nằm ở phía Nam khu mỏ. Hồ lắng có dung tích 100m³ (kích thước 5 m x 5m x 4m). Để tránh làm ô nhiễm nước của các sông và các kênh gần khu vực khai thác cần phải lắng trong hồ lắng trước khi thoát ra khu vực xung quanh. Phương thức xả thải là tự chảy. Nguồn tiếp nhận là sông Kỳ Cùng.

1.2. Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công:

+ Giảm thiểu tác động của bụi từ quá trình bạt đỉnh: Sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai điện để hạn chế tác động của bụi, sử dụng thuốc nổ cân bằng oxy.

+ Giảm thiểu tác động của bụi từ quá trình vận chuyển, nguyên vật liệu trên tuyến đường ra vào mỏ và nhà dân: Tưới đường dập bụi thường xuyên (1-2 lần/ngày); thường xuyên cải tạo, duy tu tuyến đường.

+ Giảm thiểu khí thải phương tiện xe: Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các chi tiết máy bị hỏng hóc để hạn chế thấp nhất mức tiêu hao nhiên liệu, tức là hạn chế lượng khí thải phát sinh; tiến hành đăng kiểm theo định kỳ đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn và đảm bảo an toàn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Giảm thiểu tác động của bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động nổ mìn: Sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai điện để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn và chấn động trong quá trình nổ mìn; sử dụng thuốc nổ cân bằng oxy bằng 0 (Thuốc nổ Anfo thường, AD1 hoặc các loại thuốc nổ có trong Phụ lục I Danh mục VLNCN được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018) để quá trình cháy diễn ra hoàn toàn, giảm thiểu lượng khí thải phát sinh.

+ Giảm thiểu tác động từ hoạt động vận chuyển và hoạt động của các máy thi công: Tưới dập bụi tuyến đường từ khu vực khai thác tới trạm nghiền, tần suất tưới 1-2 lần/ngày (tùy thuộc điều kiện thời tiết); thùng xe được phủ bạt để hạn chế bụi cuốn và đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển nhằm hạn chế ảnh hưởng đến các hộ dân cư hai bên tuyến đường vận chuyển và người tham gia giao thông; bố trí công nhân thường xuyên thu dọn và vệ sinh toàn bộ bề mặt bãi chế biến, đoạn đường liên thôn dẫn vào dự án để hạn chế bụi cuốn khi có gió

hoặc bị cuốn trôi khi thời tiết khu vực có mưa; trang bị khẩu trang chống bụi, găng tay, áo quần bảo hộ cho công nhân làm việc trên công trường; các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị thi công được tiến hành đăng kiểm theo định kỳ tại các trạm đăng kiểm và được chứng nhận, đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn và đảm bảo an toàn; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các chi tiết máy bị hỏng hóc để hạn chế thấp nhất mức tiêu hao nhiên liệu, tức là hạn chế lượng khí thải phát sinh; thường xuyên cải tạo và tu sửa tuyến đường vận chuyển từ khu vực khai thác đến trạm nghiền của dự án; trang bị đầy đủ cho CBCNV lao động theo danh mục nghề ban hành Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

+ Giảm thiểu bụi phát sinh từ hoạt động chế biến: Bố trí hệ thống phun sương để phun ẩm tại thiết bị nghiền và băng tải của hệ thống sàng rung để hạn chế bụi phát sinh ra môi trường xung quanh.

- *Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường*: Tiếp tục sử dụng biện pháp tưới đường dập bụi trong quá trình thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a, Chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công: chất thải sinh hoạt (dự kiến gồm 35 công nhân khu mỏ và 15 công nhân thi công) phát sinh khoảng 15 kg/ngày, tất cả được thu gom vào 03 thùng rác và định kỳ thuê đơn vị chức năng của địa phương thu gom, vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải sinh hoạt phát sinh từ 35 cán bộ, công nhân dự án là khoảng 10,5 kg/ngày (0,3kg/người/ngày) sẽ được thu gom, phân loại tại nguồn, tiến hành thu gom vào 03 thùng chứa rác có dung tích 50 lít. Ngoài ra trong mỗi phòng của khu vực văn phòng, đều được bố trí 1 thùng rác nhỏ 10 lít để thu gom trong phòng. Sau đó định kỳ thuê đơn vị có chức năng của địa phương thu gom, vận chuyển hàng ngày.

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tương đương với giai đoạn vận hành do sử dụng công nhân như giai đoạn này; tiếp tục sử dụng các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt và tiến hành tiếp tục ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển.

b, Các biện pháp quản lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường (Đất, đá thải, vật liệu phá dỡ):

- Giai đoạn thi công xây dựng: theo tài liệu địa chất mỏ Lũng Cù đã được thăm dò và phê duyệt trữ lượng, trong diện tích tiến hành thăm dò, các đá gốc lộ ra liên tục, không có sản phẩm phong hoá không dùng được trong sản xuất vật liệu xây dựng thông thường nên khối lượng đất bóc trong phần diện tích mỏ đá với Lũng Cù đã được thăm dò là không có. Do vậy, chất thải rắn sản

xuất (đất đá thải không đạt tiêu chuẩn) trong quá trình khai thác đá vôi làm VLXD thường tại mỏ đá vôi Lũng Cù là không có.

- Giai đoạn vận hành: Khối lượng đất đá thải tại mỏ đá vôi Lũng Cù được thu gom trong quá trình khai thác đá vôi theo từng năm (xúc bốc đất phủ bề mặt) nên Công ty bố trí bãi thải tạm nằm trong phần diện tích được thuê đất.

+ *Bãi thải số 1*: Bãi thải giai đoạn đầu tại phía Nam của khai trường mỏ với các thông số như sau: Diện tích đồ thải: 1.365 m^2 ; Cao độ trên mặt bãi thải: +235m; Cao độ chân bãi thải: +230m; Dung tích chứa thải: 6.525 m^3 .

+ *Bãi thải số 2*: Bãi thải giai đoạn kết thúc mỏ tại phía Bắc của khai trường mỏ với các thông số như sau: Diện tích đồ thải: 803 m^2 ; Cao độ trên mặt bãi thải: +250m; Cao độ chân bãi thải: +253m; Dung tích chứa thải: 2.050 m^3 .

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Quá trình tháo dỡ phát sinh khối lượng chất thải rắn thông thường được tính toán khoảng $563,96 \text{ kg}$ (bao gồm: $404,34 \text{ m}^3$ đất đá thải sau khi củng cố bờ moong đá gốc và sườn tầng, và $159,62 \text{ m}^3$ bê tông + tường gạch khi tháo dỡ cột trụ trạm nghiền, kê trạm nghiền, các công trình phụ trợ và ở bãi thải đến khu vực cần san lấp). Thành phần của loại chất thải này là vật liệu xây dựng thông thường (bê tông, gạch vụn, gạch ốp lát, sắt, tôn,...).

Các loại đất, đá thải và vật liệu bê tông phá dỡ sẽ được tận dụng để gia cố các vị trí và san lấp khu vực dự án cho mục đích cải tạo, phục hồi môi trường.

c, Các biện pháp quản lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường khác:

- Giai đoạn thi công: Gồm sấm lớp hồng; các bộ phận thiết bị hồng từ phương tiện vận chuyển; thủy tinh,... sẽ được thu gom vào thùng chứa và đặt trong kho tạm chứa chất thải rắn thông thường (diện tích khoảng 5 m^2), được lợp mái, vây tôn, nền cao hơn khu vực xung quanh.

- Giai đoạn vận hành: Gồm sấm lớp hồng, bộ phận thiết bị hồng từ phương tiện vận chuyển; kính, thủy tinh vỡ; tấm ốp, gạch, gốm sứ hồng. Tất cả sẽ được thu gom vào thùng chứa và đặt trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường của mỏ để tiến hành lưu trữ (diện tích 6 m^2) và xử lý sau này.

2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- *Giai đoạn thi công*: Thu gom vào kho lưu giữ tạm thời để chứa chất thải nguy hại. Bố trí 1 điểm tập kết có mái che lợp tôn diện tích khoảng $5-10 \text{ m}^2$, thiết kế tường chắn bằng tôn; nền cao hơn mặt đất xung quanh; trong kho bố trí 1 bình cứu hỏa, 1 xô cát, xẻng và các thùng nhựa loại 60L có dán mã để lưu chứa từng loại CTNH.

- *Giai đoạn vận hành*: Toàn bộ CTNH của mỏ sẽ được gắn mã chất thải nguy hại và lưu giữ tại kho chứa CTNH được xây mới, diện tích 10 m^2 . Kết cấu: Khung thép vây tôn, có mái che, cửa khóa kín và có hệ thống biển cảnh báo, dán nhãn nguy hại để lưu giữ. CTNH được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng

trong và ngoài tỉnh Lạng Sơn đảm bảo thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định pháp luật.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- *Giai đoạn thi công:* Thường xuyên bảo dưỡng các máy, thiết bị để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn trong quá trình vận hành; xe vận chuyển nguyên, nhiên liệu phải đảm bảo độ ồn cho phép, chỉ nhấn còi khi cần thiết; hạn chế sử dụng nhiều máy, thiết bị có mức ồn cao cạnh nhau để giảm thiểu tiếng ồn cộng hưởng.

- *Giai đoạn vận hành:* Thường xuyên bảo dưỡng các máy, thiết bị để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn trong quá trình vận hành; hạn chế sử dụng nhiều máy, thiết bị có mức ồn cao cạnh nhau để giảm thiểu tiếng ồn cộng hưởng; tuân thủ nghiêm ngặt nội quy và quy trình vận hành các máy, thiết bị; sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai, chia nhỏ khối lượng trong mỗi đợt nổ để giảm thiểu tiếng ồn và chấn động trong quá trình nổ mìn; trang bị đầy đủ cho CBCNV lao động; kết hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác kiểm đếm, xác nhận hiện trạng công trình làm cơ sở trong trường hợp sóng chấn động làm ảnh hưởng kết cấu công trình của người dân...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (CTPHMT)

a) Phương án thực hiện:

Tháo dỡ, phá dỡ các hạng mục công trình trên mặt bằng khai trường và khu phụ trợ sau đó san lấp (chiều dày 0,5m) trồng cây keo phủ xanh toàn bộ diện tích. Làm hàng rào xung quanh khu vực CTPHMT, lắp biển cảnh báo. Cải tạo tuyến đường vận tải ngoài mỏ, nạo vét rãnh thoát nước. Nội dung cụ thể:

- Làm sạch bề mặt sườn tầng đối với khu vực moong khai thác.
- Làm hàng rào xung quanh khu vực CTPHMT với chiều dài 125m (*Theo thiết kế cơ sở dự án*) và lắp biển cảnh báo.
- Tháo dỡ các hạng mục công trình máy nghiền sàng, gỡ bỏ các hàng rào lan can trong tuyến đường công vụ số 01.
- Tháo dỡ, di dời các cơ sở hạ tầng trên mặt bằng công trình phụ trợ và phụ trợ khác: (Nhà điều hành, nhà ở + bếp, nhà vệ sinh + nhà tắm, nhà kho + xưởng cơ khí, nhà bảo vệ, phòng bán hàng, kho chứa CTNH).
- Nạo vét rãnh thoát nước, cải tạo tuyến đường vận tải ngoài mỏ.
- San lấp hồ lắng, rãnh thoát nước và tiến hành đổ đất màu dày (0,5m) trên toàn bộ diện tích mặt khai trường khai thác, khu phụ trợ.
- San gạt, tạo mặt bằng khu vực kết thúc khai thác sau khi san lấp.
- Trồng cây để cải tạo phục hồi đất.

Bảng tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Gia cố bờ mỏ đá gốc và sườn tầng kết thúc	m ³	404,34
2	Tháo dỡ/phá dỡ bê tông cột trụ trạm nghiền, kê trạm nghiền, khu nghiền sàng, lan can		
	Phá dỡ bê tông cột trụ trạm nghiền, kê trạm nghiền	m ³	100
	Vận chuyển bê tông đến khu vực san lấp mặt bằng	m ³	100
3	Tháo dỡ/phá dỡ các công trình trên mặt bằng khu phụ trợ (Nhà điều hành, Nhà ở + bếp, Nhà vệ sinh + nhà tắm, Nhà kho + Xưởng cơ khí, Nhà bảo vệ, phòng bán hàng, Nhà chứa CTNH + Nhà chứa CTRCNTT, module hợp khối)		
	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤ 6 m	m ²	376
	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m ³	40,44
	Phá dỡ nền bê tông	m ³	59,62
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	Tấn	3,342
	Vận chuyển bê tông san lấp mặt bằng (các vật liệu khác như tôn, sắt, module hợp khối,... sau khi được tháo dỡ sẽ có đơn vị đến thu mua)	m ³	59,62
4	Mua đất màu	m ³	29.309,68
5	San gạt	m ³	37.244
6	Trồng và chăm sóc cây keo	cây	28.856
7	Làm hàng rào xung quanh khu vực CTPHMT	md	125
8	Cải tạo tuyến đường vận tải ngoài mỏ	m ²	6000
9	Nạo vét rãnh thoát nước	m ³	300

b) Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu sử dụng	Đơn vị	Khối lượng
1	Máy gạt ủi, công suất 110 CV	Chiếc	01
2	Máy xúc, E = 1,2 m ³	Chiếc	01
3	Ô tô vận tải 12 tấn	Chiếc	01
4	Ô tô vận tải 22 tấn	Chiếc	02
5	Ô tô tưới nước 6m ³	Chiếc	01
6	Cây keo giống	Cây	28.856

STT	Máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu sử dụng	Đơn vị	Khối lượng
7	Lưới thép B40	m	125
8	Cột sắt đỡ hàng rào D60	Cột	25

c) Tổ chức quản lý thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Chức năng của các bộ phận như sau:

+ Giám đốc điều hành: Có trách nhiệm chỉ đạo công tác quản lý, đôn đốc, triển khai các kế hoạch về CTPHMT.

+ Phòng kỹ thuật: Có chức năng giúp lãnh đạo Công ty xây dựng các chương trình quản lý, giám sát và thi công thực hiện phương án CTPHMT, có trách nhiệm đảm bảo an toàn trong suốt quá trình cải tạo. Về nhân sự sẽ có ít nhất một cán bộ phụ trách có chuyên môn kỹ thuật về môi trường.

+ Bộ phận phụ trách thi công cải tạo: Có nhiệm vụ giúp phòng kỹ thuật hoàn thành công tác CTPHMT.

+ Bộ phận phụ trách an toàn: Có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho công nhân và các công trình cải tạo.

+ Bộ phận phụ trách giám sát, quản lý: Nhiệm vụ chính là trực tiếp giám sát, quản lý các công trình CTPHMT.

- Lập kế hoạch quản lý, triển khai công tác bảo vệ môi trường:

+ Có chương trình kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện dự án và chất lượng công trình.

+ Có kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án CTPHMT.

+ Biện pháp quản lý, bảo vệ các công trình CTPHMT sau khi kiểm tra, xác nhận.

- Tiến độ thực hiện CTPHMT:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	Gia cố bờ mỏ đá gốc và sườn tầng kết thúc	404,34 m ³	6/2036	6/2036
2	Phá dỡ, vận chuyển khu nghiền sàng, lan can		6/2036	7/2036
	Phá vỡ bê tông	100 m ³		
	Vận chuyển	100 m ³		
3	Tháo dỡ/phá dỡ các công trình trên mặt bằng khu phụ trợ (Nhà điều hành, Nhà ở + bếp, Nhà vệ sinh + nhà tắm, Nhà kho + Xưởng cơ khí, Nhà bảo vệ, phòng bán hàng, Nhà		8/2036	8/2036

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
	chứa CTNH + Nhà chứa CTRCNTT)			
	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤ 6 m	376		
	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	40,44		
	Phá dỡ nền bê tông	59,62		
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	3,342		
	Vận chuyển	59,62		
4	Phủ lớp đất màu dày 0,5m để trồng cây		9/2036	10/2036
	Mua đất	29.309,68 m ³		
	Vận chuyển đất đá thải	7.934,32 m ³		
	Vận chuyển đất	29.309,68 m ³		
	San gạt mặt bằng	37.244 m ³		
5	Trồng cây keo phủ xanh diện tích khai trường khai thác		11/2036	11/2036
	Mua cây giống	28.856 cây		
	Nhân công trồng	100 công		
6	Làm hàng rào xung quanh khu vực CTPHMT và Lắp biển cảnh báo		12/2036	12/2036
7	Cải tạo tuyến đường vận tải ngoài mỏ	6000 m ²	12/2036	12/2036
8	Nạo vét rãnh thoát nước	300 m ³	12/2036	12/2036

d) Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Tổng số tiền ký quỹ CTPHMT của dự án theo tính toán là 1.803.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025 với tổng số tiền ký quỹ là 555.957.572 đồng. Do vậy, số tiền ký quỹ còn lại phải nộp là: **1.247.042.428 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bốn hai nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng).

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì đối với Giấy phép khai thác khoáng sản tuổi thọ mỏ có thời hạn từ 10 năm đến dưới 20 năm: mức ký quỹ lần đầu bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng số tiền ký quỹ.

Tổng số lần ký quỹ: 11 lần.

- Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 20% tổng số tiền ký quỹ CTPHMT:
 $1.247.042.428 \times 20\% = 249.408.486$ đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín

triệu, bốn trăm linh tám nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng). Thời điểm ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt phương án.

- Số tiền ký quỹ từ năm thứ hai trở đi là: 99.763.394 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi tư đồng). Thời điểm ký quỹ trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

Khi tiến hành ký quỹ hàng năm phải tính toán đến yếu tố trượt giá theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Quản lý sử dụng vật liệu nổ: thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vật liệu nổ; cán bộ kỹ thuật khai thác, trắc địa của công trường phải thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định của tầng, bờ khai trường để có các biện pháp phòng ngừa sự sụt lở bất ngờ; khi tiến hành nổ mìn phải có hộ chiếu nổ mìn; trang bị dụng cụ phòng chống cháy nổ theo quy định...

- Đảm bảo an toàn lao động: tổ chức đào tạo tay nghề và bổ sung kiến thức nhằm nâng cao trình độ nghề nghiệp cho cán bộ, công nhân viên; công nhân luôn được trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ lao động và huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động; thực hiện các chế độ, chính sách với toàn thể người lao động tại mỏ theo quy định pháp luật.

- Phòng chống nguy cơ sạt lở bờ tầng, sườn tầng: cử cán bộ kỹ thuật khai thác, trắc địa thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định, dịch động của sườn tầng và bờ mỏ, đề xuất các biện pháp phòng ngừa sạt lở, đặc biệt là trong mùa mưa lũ; khai thác tuân thủ đúng các thông số thiết kế.

- Phòng chống cháy, nổ và chống sét: bố trí các thiết bị kiểm tra, phòng chống cháy nổ nghiêm ngặt; thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định của cơ quan chức năng tại địa phương cũng như của Nhà nước về công tác bảo đảm an toàn lao động và an toàn phòng chống cháy nổ; kho nhiên liệu, kho thuốc nổ, các trạm biến áp, tránh được tác dụng trực tiếp và tác động gián tiếp của sét, dự án sẽ lắp đặt thiết bị thu sét.

- Đảm bảo an toàn điện và sử dụng điện hiệu quả: sử dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng; quản lý an toàn sử dụng điện.

- Giảm thiểu rủi ro, sự cố do mưa lớn gây ra: thiết kế hệ thống thoát nước bề mặt hợp lý, đảm bảo việc thoát nước khu vực khai trường hoạt động hiệu quả; gia cố mái dốc, bờ mỏ bằng các biện pháp kỹ thuật phù hợp; lập phương án ứng phó khẩn cấp: bố trí người và thiết bị sẵn sàng xử lý.

- Phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đối với kho chứa vật liệu nổ công nghiệp: xây dựng và ban hành nội quy, quy định về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp; bố trí lực lượng bảo vệ kiểm tra, kiểm soát điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với người, phương tiện ra, vào và làm việc trong khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp; có biển cấm, biển báo, chỉ dẫn

các quy định liên quan; xây dựng và niêm yết quy trình sắp xếp, bảo quản, xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp trong kho, phân loại vật liệu nổ công nghiệp không bảo đảm chất lượng theo quy định; xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định.

- Ứng phó sự cố sạt lở bãi thải: thường xuyên kiểm tra, kiểm soát quá trình đổ thải đảm bảo đúng vị trí, khối lượng đã được thiết kế, đảm bảo chiều cao an toàn đối với bãi thải; trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị để phòng ngừa sự cố sạt lở bãi thải có thể xảy ra.

- Ứng phó sự cố ảnh hưởng đến khu vực nhà dân: Nổ mìn đúng khối lượng và theo thời gian quy định, áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai để giảm thiểu độ rung và bụi; chấp hành đúng các thao tác kỹ thuật trong quá trình khai thác; vận chuyển đúng trọng tải và che chắn kỹ thùng xe để tránh phát sinh bụi và rơi vãi đá ra đường, ảnh hưởng đến khu vực dân cư và thực hiện biện pháp tưới đường dập bụi để hạn chế bụi ra khu vực xung quanh.

V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN

1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát bụi, khí thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (Khu vực dân cư gần khu vực khai thác đá). Toạ độ: $X = 436298$; $Y = 2437820$ (Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ múi chiếu 3°).

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Chỉ tiêu giám sát: SO_2 , CO, NO_2 , tổng bụi lơ lửng (TSP).

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn thi công xây dựng (do giai đoạn này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn 02 tháng).

b) Giám sát tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (Khu vực dân cư gần khu vực khai thác đá). Toạ độ: $X = 436298$; $Y = 2437820$ (Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ múi chiếu 3°).

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chỉ tiêu giám sát: Mức ồn tương đương L_{Aeq} .

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn thi công xây dựng (do giai đoạn này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn 02 tháng).

2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành

- Căn cứ quy định tại Điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46, khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ), dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hoặc quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với nước thải và khí thải.

- Giám sát khác:

+ Giám sát chất thải nguy hại: tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (khối lượng, thành phần chất thải; công tác thu gom, vận chuyển của đơn vị có chức năng được ký hợp đồng thu gom, xử lý). Tần suất giám sát: khi có khối lượng bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Giám sát các vấn đề môi trường và các rủi ro, sự cố khác: hiện tượng sụt lún, trượt lở, xói lở và các biến động bất thường của thời tiết mùa mưa lũ... tại khu vực dự án. Tần suất: thường xuyên.

+ Giám sát chất thải rắn trong giai đoạn CTPHMT: khối lượng và thành phần chất thải sinh hoạt, chất thải phá dỡ tại khu vực CTPHMT. Tần suất giám sát: khi có khối lượng bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý.

VI. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

1. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, công suất, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép; sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, phạm vi được cấp có thẩm quyền giao, cho thuê đất, không làm cản trở đến việc sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, chịu trách nhiệm trước pháp luật về quá trình thực hiện nếu xảy ra các tranh chấp, lấn chiếm hoặc sử dụng đất không đúng phạm vi, mục đích.

2. Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường của dự án theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các hồ sơ, tài liệu, số liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường của dự án.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định hiện hành; kịp thời báo cáo những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản
mỏ đá vôi Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
(nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 19/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn) nộp trực tuyến ngày 13/10/2025 của Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 926/TTr-SNNMT ngày 05/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung khoản 4 và khoản 5 Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại và khoáng sản Hoàng Phúc khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực mỏ đá vôi Lũng Cù thuộc xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn) như sau:

1. Nội dung khoản 4 và khoản 5 Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 19/01/2016 như sau:

“4. Công suất khai thác: 85.000 m³/năm.

5. Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 01 năm”.

2. Nội dung điều chỉnh khoản 4 và khoản 5 Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 19/01/2016 như sau:

“4. Công suất khai thác: 215.000 m³/năm.

5. Thời hạn khai thác: đến hết tháng 5/2036, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 0,5 năm”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

2. Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc có trách nhiệm:

- a) Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);
- b) Thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định trước khi có tác động đến diện tích có rừng trong phạm vi ranh giới dự án.
- c) Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 02/GP-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài Chính, Xây dựng, Công Thương; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thuế tỉnh Lạng Sơn; Chủ tịch UBND xã Na Sầm; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam-BNNMT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, KTCN (NNT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Hữu Học

Số: /GP-SCT

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP
Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
(Cấp điều chỉnh lần thứ 01)

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp ngày 10/11/2025 của Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 07/GP-SCT ngày 24/5/2023 của Sở Công Thương cấp cho Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở tại Điều 1 Giấy phép số 07/GP-SCT điều chỉnh thành:

“Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900270327; do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn (nay là Sở Tài chính) cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/12/2024;

Trụ sở tại: Khu 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn”

2. Khoản 2 Điều 2 Giấy phép số 07/GP-SCT điều chỉnh thành:

“2. Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng:

a) Chủng loại vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng: các loại thuốc nổ ANFO, Amonit AD1 và nhũ tương; kíp nổ điện và kíp vi sai các loại (thuộc danh mục thuốc nổ công nghiệp, phụ kiện nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục I ban

hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT).

b) Số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng: không quá **82.775 kg/năm** thuốc nổ các loại; kíp nổ điện các loại: **5.940** cái/năm.”

3. Điểm a khoản 3 và điểm c khoản 3 Điều 3 Giấy phép số 07/GP-SCT điều chỉnh thành:

“a) Quy mô lượng thuốc nổ lớn nhất trong một lần nổ: không vượt quá **258 kg/bãi** khi nổ mìn bằng phương pháp nổ sử dụng kíp vi sai với đường kính lỗ khoan lớn nhất $d = 105 \text{ mm}$.

c) Nổ mìn phá đá quá cỡ, tẩy mô chân tầng bằng kíp nổ điện số 8 với đường kính lỗ khoan $d = 32 \div 46 \text{ mm}$ ”

4. Các nội dung khác không đề cập tại Giấy phép này giữ nguyên theo Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 07/GP-SCT ngày 24/5/2023 của Sở Công Thương.

Điều 2. Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ và những quy định pháp luật liên quan.

2. Nộp phí cấp điều chỉnh giấy phép: 3.115.000 đồng (*Ba triệu một trăm mười lăm nghìn đồng chẵn*).

Điều 3. Giấy phép này có giá trị kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 07/GP-SCT ngày 24/5/2023 của Sở Công Thương./.

Nơi nhận:

- Công ty CP XDTM&KS Hoàng Phúc;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Na Sầm;
- BP TN&TKQ - Trung tâm PVHCC;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, QLCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Cao Thượng

Số: /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: ngày 26 tháng 10 năm 2015)
(Điều chỉnh lần thứ 01: ngày 18 tháng 6 năm 2025)
(Điều chỉnh lần thứ 02: ngày tháng 8 năm 2026)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng; Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 640/BC-STC ngày 14/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015, được điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025, với nội dung chính như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung thông tin nhà đầu tư thực hiện dự án quy định tại Điều 1 Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 được điều chỉnh như sau:

“Chứng nhận: Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900270327, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15/05/2026.

Địa chỉ trụ sở chính: khu 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Điện thoại: 0837.439.222. Website: hoangphucasia.com

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy Tân;

Sinh ngày: 05/9/1991; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Số định danh cá nhân: 034091001284; Ngày cấp: 21/11/2024.

Nơi cấp: Bộ Công an.

Địa chỉ thường trú và liên lạc: thôn Phước Hạ, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung tên dự án quy định tại mục 1 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Cù, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn”.

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung quy mô dự án quy định tại mục 3 Điều 1 Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 được điều chỉnh như sau:

“3. Quy mô dự án: Đầu tư khai thác đá vôi với công suất 450.000 m³/năm đá vôi nguyên khối”.

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Nội dung tổng vốn đầu tư quy định tại mục 4 Điều 1 Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 được điều chỉnh như sau:

“4. Tổng vốn đầu tư: 38.500 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện: Vốn tự có của Doanh nghiệp”.

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm:

Nội dung thời gian thực hiện dự án quy định tại mục 5 Điều 1 Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 được điều chỉnh như sau:

“5. Thời gian hoạt động dự án: đến hết tháng 01/2031”.

6. Nội dung điều chỉnh thứ sáu:

Nội dung tiến độ thực hiện dự án quy định tại mục 6 Điều 1 Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 được điều chỉnh như sau:

“6. Tiến độ thực hiện dự án:

- *Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: “Theo tiến độ thực hiện dự án, trong đó tiến độ góp vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về đất đai”.*

- *Tiến độ thực hiện dự án: Quý I/2027: hoàn thành đưa mở vào hoạt động sản xuất kinh doanh.”*

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Nhà đầu tư (Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc) có trách nhiệm:

- Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện các thủ tục tiếp theo liên quan đến dự án.

- Thực hiện dự án đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, khoáng sản, môi trường, xây dựng, an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo góp đủ vốn chủ sở hữu và huy động vốn góp, đảm bảo tiến độ triển khai dự án theo đúng tiến độ.

- Thực hiện lập và gửi báo cáo tình hình thực hiện dự án (hàng quý, hàng năm), báo cáo giám sát đầu tư định kỳ (6 tháng và hàng năm) về Sở Tài chính theo quy định.

2. Sở Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư đối với dự án; thực hiện việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện dự án của nhà đầu tư và giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư liên quan đến lĩnh vực quản lý.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt tại Quyết định này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường, khoáng sản... trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; thực hiện việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện dự án của nhà đầu tư và giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư liên quan đến lĩnh vực quản lý.

4. Sở Xây dựng hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, đầu tư xây dựng... thực hiện việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện dự án của nhà đầu tư và giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư liên quan đến lĩnh vực quản lý.

5. UBND xã Na Sầm có trách nhiệm thực hiện giám sát việc triển khai thực hiện dự án của Nhà đầu tư trên địa bàn quản lý; kịp thời báo cáo UBND tỉnh và các sở, ban, ngành các nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và là một bộ phận không tách rời của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 1933/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1313/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Trưởng Thuế tỉnh Lạng Sơn, Chủ tịch UBND xã Na Sầm và Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc 01 (một) bản, gửi Sở Tài chính 01 (một) bản và 01 (một) bản được lưu tại UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, KTCN_(NNT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Hữu Học

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 11.2025/CNK

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 20/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ vào năng lực của Công ty Cổ phần xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 16 tháng 10 năm 2025, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC.

Địa chỉ: Khu 6, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0936 092 584

E-mail: khoangsanhoangphuc@gmail.com.

Tài khoản số: 15868888 tại Techcombank - Chi nhánh Dương

Mã số thuế: 4900270327

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4900270327 ngày 18/02/2008, (Cấp đổi lần 12, ngày 20/12/2024) của sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Đại diện là ông: Đinh Văn Đức Chức vụ: P.Tổng giám đốc

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 024.3827 4399 Fax:

Tài khoản số: 118000113569 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thăng Long, Hà Nội

Mã số thuế: 0102963031

Đại diện là ông: Trần Triệu Kiên Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Theo giấy ủy quyền số: 03/UQ-HIRT ngày 10 tháng 05 năm 2023.

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại (Sau đây

gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2025 đến ngày 15 tháng 10 năm 2026.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của Công ty tại địa chỉ: xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn.

2. Thời gian giao nhận: Theo sự thống nhất của hai bên. Điện thoại thương trực: 024.3822.1234/0912 221 880

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển.

4. Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải của Bên A giao cho Bên B được vận chuyển, xử lý theo quy định và theo giấy phép xử lý chất thải của bên B.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ:

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải tính bằng tiền Việt Nam đồng được áp dụng như sau:

TT	Danh mục	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	Khoản trộn gói 15.000.00 0 đồng/01 lần vận chuyển xử lý/01 năm
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16.01.06	Kg	
3	Dầu động cơ, hộp số và dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	
4	Ac quy chì thải	19 06 01	Kg	
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	
6	6 Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	
8	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	
9	Chất thải rắn công nghiệp thông thường		Kg	

- Tổng đơn giá hợp đồng trộn gói là: 15.000.000 đồng 01 lần thu gom vận chuyển xử lý/01 năm. (Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn.

- Đơn giá xử lý chất thải chỉ áp dụng trong trường hợp tổng khối lượng chất thải chuyển giao trong một lần ≤ 2.000 Kg. Trường hợp khối lượng chất thải chuyển giao trong một lần vượt quá 2.000 Kg thì Bên A phải chịu thêm chi phí xử lý là 7.000 VND/Kg đối với lượng chất thải vượt quá.

2. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyển làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

3. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

4. Trường hợp Bên A không bán giao chất thải cho Bên B thì Bên A vẫn phải chịu chi phí duy trì hợp đồng là 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng/01 năm).

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

Bên A thanh toán phí phát sinh theo Điều 3 bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh và hóa đơn tài chính hợp lệ.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A:

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng.

2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu có).

3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại tại Thông tư 06/2023/TT-BTNMT ngày 20/7/2023 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

7. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B:

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

2. Bên B bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

3. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

4. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

5. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

6. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

7. Cán bộ, nhân viên của Bên B khi làm việc trong phạm vi của Bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT:

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;
- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng,
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

- Sau khi hiệu lực thực hiện của hợp đồng kết thúc, nếu hai bên không có vướng mắc, hợp đồng coi như được tự thanh lý mà không cần văn bản của các bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



Đinh Văn Đức



Trần Triệu Kiên



Hoàng Phúc
MINERAL

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN
HOÀNG PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

***“Về việc giao nhận thầu dịch vụ vệ sinh môi trường”
Số 01/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2026)***

Căn cứ vào bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Nước CHXH CN Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 được thông qua ngày 14/06/2025;

Căn cứ luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty TNHH MTV Tâm Đức LS.

Chúng tôi đại diện cho các bên ký kết hợp đồng gồm có:

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026 tại Thôn 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC (Bên bán)

- Địa chỉ: Thôn 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn.
- Điện thoại: 0837439222 Email: khoangsanhoangphuc@gmail.com
- MST: 4900270327
- STK: 15868888 tại Techcombank chi nhánh Bình Dương.
- Đại diện: Ông **Đình Văn Đức**

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

II. BÊN B: CÔNG TY TNHH TMV TÂM ĐỨC LS

- Địa chỉ: Thôn 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn.
- Điện thoại: 0979 880 170
- MST: 4900262816
- STK: 8407201000187 tại Ngân hàng Agribank huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện: Ông **Nguyễn Tiến Hòa**

Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Hai bên cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận ký Hợp Đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng:

Bên A giao cho bên B chịu trách nhiệm thu gom rác thải trong khuôn viên Công ty bên A.

Tần xuất : 01 lần / tuần vào ngày thứ 5 hàng tuần.

Điều 2: Quyền hạn và trách nhiệm bên A:

Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác vệ sinh môi trường của bên B và yêu cầu bên B thực hiện các nội dung trong hợp đồng để đảm bảo môi trường của Công ty sạch- đẹp.

Điều 3: ThTrách nhiệm của bên B:

- Xây dựng kế hoạch , tổ chức thực hiện thật tốt các phần việc đã được bên A giao cho .
- Kiến nghị và đề xuất những vấn đề có liên quan đến công tác vệ sinh môi trường.

Điều 4: Giá tiền , phương thức và hình thức thanh toán :

Giá tiền dịch vụ : 1.000.000 đồng/ 1 tháng

Tổng giá trị hợp đồng : 1.000.0000 x 12 tháng = 12.000.000 đồng

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT)

Hình thức thanh toán : Bằng chuyển khoản hay tiền mặt 1 tháng 01 lần

Điều 5: Thời hạn thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026

Điều 6: Thủ tục giải quyết hợp đồng:

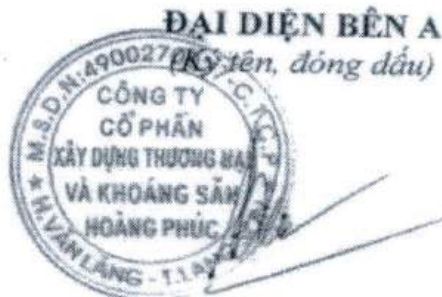
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Mọi sự thay đổi, bổ sung của bất kỳ điều khoản nào được ghi trong hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên bằng văn bản.

- Trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng này mà không giải quyết được bằng thương lượng thì vụ việc được giải quyết tại toàn án dân sự. Phán quyết của toàn án là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai bên .

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng này có 3 trang và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 khi kết thúc hợp đồng nếu hai bên không có vướng mắc gì thì hợp đồng được mặc nhiên thanh lý



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÌNH VĂN ĐỨC



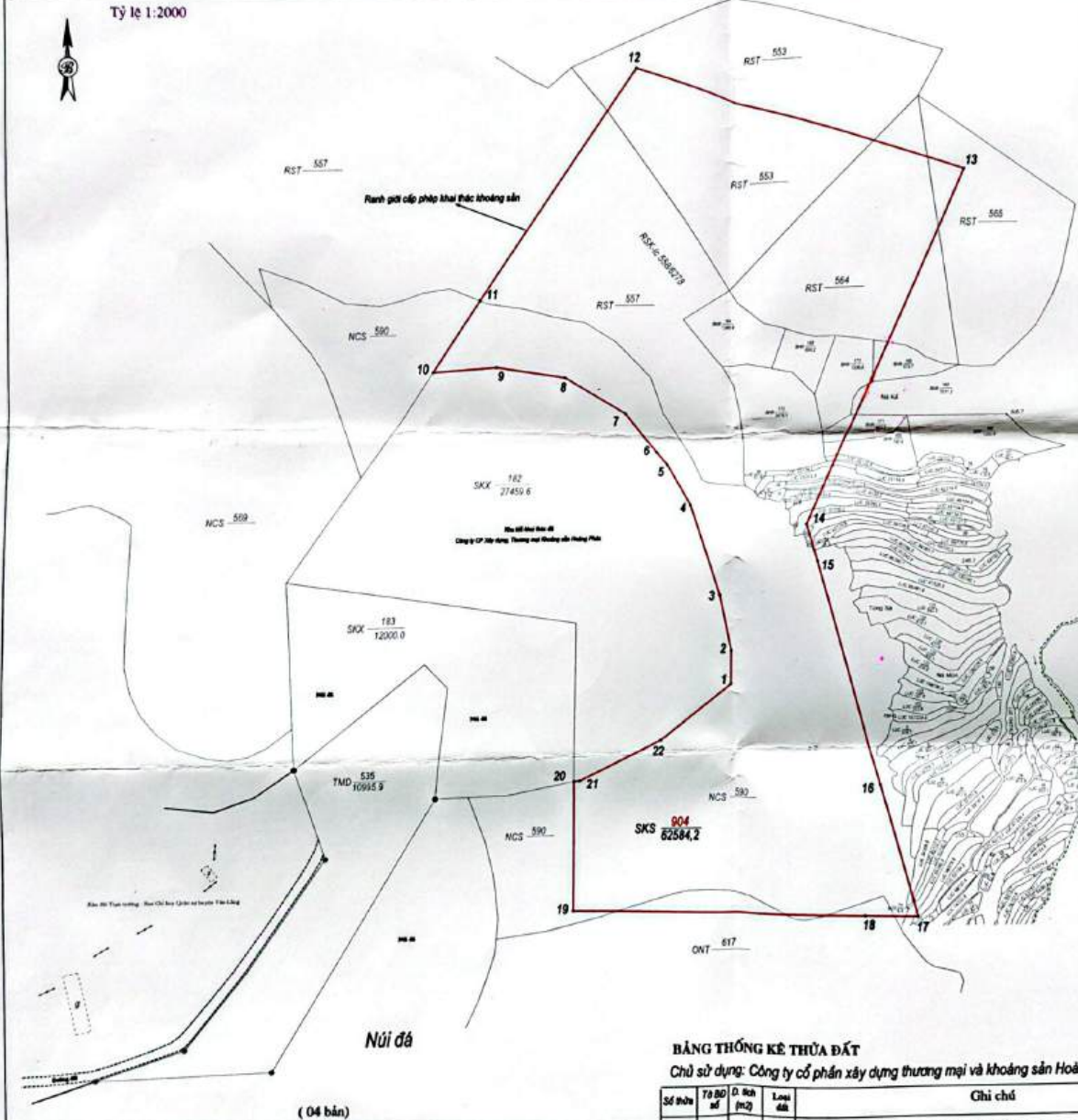
CHỦ TỊCH
Nguyễn Tiến Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHIẾU ĐO ĐẠC CHÍNH LÝ THỬA ĐẤT
Số: 86 /BV

1. Thửa đất số: 904; Tờ BĐ số: 02 (từ 01 tỷ lệ 1/10 000 xã Hoàng Việt trước khi sắp xếp); Diện tích: 62584,2 m²; Loại đất: SKS
- Hình thức sử dụng (Chung)
2. Địa chỉ thửa đất: Thôn 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
3. Tên chủ sử dụng đất: Công ty cổ phần xây dựng thương mại và khoáng sản Hoàng Phúc
4. Địa chỉ người sử dụng đất:
5. Giấy chứng nhận hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất:
- Loại giấy tờ: Giấy phép số 02/GP- UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn.
- Diện tích trên giấy tờ:..... m²; Loại đất trên giấy tờ:.....
6. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:
7. Diện tích, loại đất sau đo đạc chính lý: 62584,2 m² Loại đất SKS
8. Sơ đồ thửa đất:
9. Tọa độ, kích thước cạnh:

Tỷ lệ 1:2000

Đỉnh	Tọa độ đỉnh thửa		Kích thước cạnh (m)
	X (m)	Y (m)	
1	2438019,77	436268,84	18,19
2	2438037,96	436268,97	30,95
3	2438068,23	436262,50	51,94
4	2438117,68	436248,62	26,17
5	2438140,64	436234,07	8,53
6	2438148,13	436228,17	28,08
7	2438170,19	436210,80	38,19
8	2438180,84	436178,05	37,42
9	2438195,60	436141,08	34,48
10	2438193,15	436106,89	46,19
11	2438231,50	436132,43	140,95
12	2438356,00	436216,00	185,95
13	2438299,00	436393,00	210,49
14	2438106,00	436309,00	20,81
15	2438098,18	436314,64	126,63
16	2437964,38	436349,27	72,13
17	2437895,00	436369,00	28,07
18	2437895,46	436340,93	156,95
19	2437898,00	436184,00	70,83
20	2437968,83	436184,55	3,06
21	2437969,07	436187,60	48,43
22	2437990,67	436230,95	47,78
1	2438019,77	436268,84	



BẢNG THỐNG KÊ THỬA ĐẤT

Chủ sử dụng: Công ty cổ phần xây dựng thương mại và khoáng sản Hoàng Phúc

Số thửa	Tờ BĐ số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Chi chú
904	02	62584,2	SKS	- Trích đo từ một phần các thửa thuộc tờ BĐDC số 37 gồm: Thửa 164: 1346,4 m ² , thửa 168: 656,2 m ² , thửa 170: 2476,1 m ² , thửa 171: 152 m ² , thửa 172: 1036,0 m ² , thửa 165: 70,1 m ² , thửa 167: 62,9 m ² , thửa 169: 73,1 m ² , thửa 22: 102,8 m ² , thửa 23: 135,0 m ² , thửa 26: 12,8 m ² , thửa 27: 55,6 m ² , thửa 28: 65,5 m ² , thửa 29: 51,6 m ² , thửa 30: 13,2 m ² , thửa 31: 45,2 m ² , thửa 32: 62,4 m ² , thửa 33: 42,9 m ² , thửa 34: 30,8 m ² , thửa 35: 101,4 m ² , thửa 36: 5,3 m ² , thửa 37: 70,2 m ² , thửa 41: 47,7 m ² , thửa 93: 1,3 m ² , thửa 94: 6,0 m ² , thửa 95: 11,3 m ² , thửa 39: 17,2 m ² , thửa 40: 0,9 m ² , thửa 55: 23,0 m ² , thửa 56: 3,2 m ² , thửa 71: 6,6 m ² , thửa thuộc tờ BĐDC số 46. Thửa 553: 8063,8 m ² , thửa 564: 7273,0 m ² , thửa 565: 359,5 m ² , thửa 567: 11627,0 m ² , thửa 590: 27767,5 m ² , thửa 617: 708,7 m ² thuộc tờ B Đ ĐC số 02 tỷ lệ 1/10 000

Ngày 03 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

Tôi ký tên dưới đây xác nhận các thông tin về thửa đất nêu ở Phiếu này là đúng với hiện trạng sử dụng đất.

CÁN BỘ ĐO ĐẠC

NGUYỄN VĂN TUẤN

Ngày 04 tháng 2 năm 2026

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG